TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 493/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận G, ngày 18 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 378/2023/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1960
- Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: E L, N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Bích N được xác lập vào năm 1991, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện nay đang cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, nên đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điểm h, Khoản 2, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Bích N qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 28/UB, Quyển số: 01/91 do UBND Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 3 năm 1991).Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cụ thể bắt đầu từ năm 2017. Nguyên nhân do quan điểm sống của hai bên có nhiều bất đồng, tính tình không hòa hợp, mỗi người có sự quan tâm và hướng đi khác nhau. Vợ chồng đã nỗ lực hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Bích N có 02 con chung là:

1. Nguyễn N (Nam) sinh ngày 12/10/1992 (Đã thành niên)

2. Nguyễn H (Nam) sinh ngày 16/3/1998 (Đã thành niên)

Do con chung của ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Bích N đã thành niên nên không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

[5] Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Bích N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 28/UB, Quyển số: 01/91 do UBND Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 3 năm 1991 không còn giá trị pháp lý).- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị Bích N có 02 con chung là: Nguyễn N (Nam) sinh ngày

12/10/1992 (Đã thành niên) và Nguyễn H (Nam) sinh ngày 16/3/1998 (Đã thành niên).

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Các đương sự xác định là không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2023/0037041 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Đào Lê Anh